

Bản án số: 18/2019/HS-PT
Ngày 22 tháng 4 năm 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải

Bà Vũ Thị Thanh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 03 năm 2019 đối với Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Trần Văn T, sinh năm 1998; Nơi cư trú: xóm 12 N, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị H; Vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Bá K, sinh năm 1995; Nơi cư trú: xóm 7, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Bá B và bà Trần Thị N; có vợ là Phạm Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ

ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thế M, sinh năm 1994; Nơi cư trú: xóm 1, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Thế Đ và bà Trần Thị H; Vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 được tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng nghị:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1976 (có mặt) và chị Phạm Thị H, sinh năm 1997 (vắng mặt). Đều trú tại: xóm 7, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng ngày 14/11/2018, Trần Bá K bắt xe lên tỉnh Cao Bằng mua được 400 quả pháo của một người đàn ông không quen biết với giá 8.000.000đ (20.000đ/quả). Sau khi mua được pháo, K đem về nhà ở xóm 7, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam cất giữ với mục đích bán để kiếm lời. Khoảng ngày 19/11/2018 K gọi điện cho Trần Văn T hỏi T có mua pháo không? Nhưng vì lúc đó T không có nhu cầu nên đã trả lời K là “không mua”. Đến ngày 21/11/2018, có người (T không rõ họ tên, địa chỉ) gọi điện cho T hỏi mua pháo, thì T gọi điện cho K hỏi còn pháo bán không? K trả lời: ‘Có, giá mỗi quả là 25.000đ và phải giao tiền trước’. T đồng ý và bảo K bán cho 400 quả pháo. Sau khi đã thỏa thuận xong, khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày tại ngõ đường bê tông gần nhà T ở xóm 12 N, xã T, T đã đưa cho K 10.000.000đ. K cầm tiền và hẹn T đến ngày hôm sau (22/11/2018) sẽ mang pháo đến nhà T. Số tiền kiếm được sau khi bán pháo cho T, K đã chi tiêu cá nhân và trả nợ hết 8.660.000đ.

Khoảng 11 giờ ngày 22/11/2018, K gọi điện cho Trần Thế M nhờ M mang pháo đi giao cho T, M đồng ý và bảo K ra đón vì không có xe. Sau đó K đã lấy chiếc xe máy điện, BKS: MĐ1-091.31 của bà Trần Thị N là mẹ đẻ của K dựng ở sân đi đón M về nhà mình. Khi đón M về đến nhà, K đã bê thùng catton đựng 400 quả pháo buộc lên xe máy điện để M chở đi giao bán cho T. M chở thùng pháo đến nhà T và bê lên phòng ở tầng 2 giao lại cho T. Khi giao, nhận pháo xong M yêu cầu T thanh toán tiền mua pháo thì T trả lời “*Tiền đã thanh toán với K cứ về đi*”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày (22/11/2018) thì người đã

gọi điện hỏi mua pháo của T hôm trước tiếp tục gọi điện hỏi mua pháo. T trả lời “có” và nói giá là 30.000đ/quả, người thanh niên kia trả giá 27.000đ/quả và đặt mua số lượng 400 quả pháo thì T đồng ý bán. Người thanh niên đó hẹn T 19 giờ mang pháo đến xóm 8 N, xã T, huyện L để giao hàng và giao tiền. Đến 19 giờ cùng ngày khi T điều khiển xe mô tô BKS 90B1-714.82 chở thùng catton đựng 400 quả pháo đi giao bán, khi đến trục đường bê tông xóm 8 N, xã T thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng, cùng các đồ vật, tài sản liên quan.

Tại kết luận giám định số 999/KTHS ngày 23/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: *“400 vật hình bóng điện tròn cùng loại, mỗi vật có kích thước dài 6,5cm, đường kính đầu to 4cm, đường kính đầu nhỏ 2,5cm, một đầu được gắn với một dây màu xanh dài khoảng 30cm là pháo, có đặc tính của pháo nổ (chứa thuốc pháo và khi đốt gây tiếng nổ), tổng khối lượng là 14,93kg”*.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HSST ngày 22/01/2019 Tòa án nhân dân huyện L đã: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1 (khoản 2 đối với K và M) Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M phạm tội *“Buôn bán hàng cấm”*. Xử phạt Trần Văn T và Trần Bá K mỗi bị cáo 27 tháng tù, bị cáo Trần Thế M 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ thời gian tạm giữ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt bổ sung, án phí, xử lý vật chứng và tuyên quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định ngày 24/01/2019 bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M đều có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L xét xử bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M về tội *“Buôn bán hàng cấm”* là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn và tự giác nộp số tiền phạt và tạm ứng án phí sơ thẩm. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T, K và M. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng, bị cáo Trần Bá K 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng và bị cáo Trần Thế M 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng đều về tội *“Buôn bán*

hàng cấm”. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K thừa nhận việc mua bán 400 quả pháo có trọng lượng 14,934kg với số tiền 10.000.000đ nhằm mục đích kiếm lời và Trần Bá K đã nhờ Trần Thế M chở số pháo đó giao cho Trần Văn T, mặc dù biết rõ trong thùng catton có chứa pháo nhưng M vẫn nhận chở, khi T chở pháo đi giao bán kiếm lời thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Lời khai của các bị cáo T, K và M tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong cùng vụ án, biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng cùng các tài liệu thu giữ có trong hồ sơ. Như vậy với hành vi nêu trên của bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Buôn bán hàng cấm*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngoài tình tiết định khung hình phạt các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo xuất thân từ thành phần nông dân lao động thuần túy, nhất thời phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của bản thân từ đó cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra bị cáo K và bị cáo M có ông nội tham gia kháng chiến được tặng nhiều huân huy chương và là liệt sỹ nên được hưởng thêm tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có cơ sở. Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tự giác nộp tiền phạt và án phí sơ thẩm theo bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo Trần Văn T nộp tài liệu chứng minh có bà nội là Trần Thị C tham gia kháng chiến được tặng huy chương kháng chiến hạng ba, bị cáo Trần Bá K và Trần Thế M có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự chưa được cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho các bị cáo, mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo Trần Văn T và Trần Bá K mỗi bị cáo 27 tháng tù và bị cáo Trần Thế M 15 tháng tù là phù hợp nhưng trong vụ án các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, có nơi cư trú rõ ràng, tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo tốt làm lại từ đầu, xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo

ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo T, K và M cũng đủ răn đe giáo dục phòng ngừa chung, phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M. Sửa bản án sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L về hình phạt đối với bị cáo T, K và M.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đối với bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M.

+ Xử phạt bị cáo Trần Văn T 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Thời gian thử thách là 54 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (22/4/2019).

+ Xử phạt bị cáo Trần Bá K 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Thời gian thử thách là 54 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (22/4/2019).

+ Xử phạt bị cáo Trần Thế M 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Buôn bán hàng cấm*”. Thời gian thử thách là 30 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (22/4/2019).

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Bá K và Trần Thế M cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam để quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì

Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Ghi nhận: Bị cáo Trần Bá K đã nộp 5.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2015/0000309 ngày 17/4/2019; bị cáo Trần Thế M đã nộp 2.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2015/0000308 ngày 17/4/2019 và bị cáo Trần Văn T đã nộp 5.000.000đ tiền phạt bổ sung và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/01500 ngày 17/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L (đối trừ tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm bị cáo T, K và M phải nộp theo bản án sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam thì các bị cáo đã chấp hành xong phần án phí sơ thẩm và hình phạt bổ sung).

3. Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trần Văn T, Trần Bá K và Trần Thế M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/4/2019).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện L;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hùng Long